

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BÌNH THUẬN Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 15/2022/DS-PT

Ngày: 23 - 02 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Hồng Thái;
2. Bà Lê Thị Thanh Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dung Thị Mỹ Ái, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận: Ông Đinh Văn Lai, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2021/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2021/DS-ST ngày 18/8/2021 của Toà án nhân dân huyện Đức Linh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2022/QĐPT-DS ngày 10 tháng 01 năm 2022, Thông báo hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 15/TB-TDS ngày 25 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị L, sinh năm 1967; Có mặt.

Địa chỉ: Số A1 đường A, Thôn A1, xã M, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

2. **Bị đơn:** Bà Trần Thị L1, sinh năm 1957; Có mặt.

Địa chỉ: Số AA đường A, Thôn 1A, xã M, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông Lưu Công T, sinh năm 1965; Vắng mặt.

Địa chỉ: Số A1 đường A, Thôn A1, xã M, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

+ Ông Lê Khắc C. sinh năm 1957; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt .

Địa chỉ: Số AA đường A, Thôn 1A, xã M, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Người kháng cáo: Ông Lê Khắc C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2021, bản khai, biên bản hòa giải được và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị L đồng thời là người đại diện cho ông Lưu Công T trình bày: Bà Trần Thị L và bà Trần Thị L1 là chỗ quen biết nhau, vì cùng làm trong tổ vay vốn cho chị, em phụ nữ. Bà L có cho bà L1 vay tiền nhiều lần, khi vay hai bên có viết giấy tay cho bà L giữ. Đến khi nào trả xong nợ, thì bà L trả lại giấy nợ cho bà L1. Về khoản vay 212.700.000 đồng, bà L cho bà L1 vay gồm nhiều lần, mỗi lần vay bao nhiêu tiền; vay vào ngày, tháng, năm nào thì bà L không thể nhớ được. Bà L chỉ nhớ từ năm 2016 cho đến ngày hai bên gút lại nợ là ngày 16/01/2019, bà L1 vay của bà L tổng số tiền 212.700.000 đồng. Khi vay chỉ thỏa thuận bằng miệng lãi suất 20%/năm. Bà L1 vay tiền để về lo cho gia đình. Từ ngày gút nợ đến tháng 10/2019 bà L1 có trả cho bà L 10.000.000 đồng tiền lãi. Nay bà L yêu cầu bà L1 và chồng bà L1 là ông Lê Khắc C phải trả số tiền 212.700.00 đồng và tiền lãi 0,75%/tháng kể từ ngày 16/01/2019 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Chứng cứ do nguyên đơn đưa ra là 01 Giấy ký mượn tiền ghi ngày 16/01/2019, có chữ ký bà Trần Thị L1.

- Những tài liệu, chứng cứ của bị đơn, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bà Trần Thị L1 trình bày: Bà L1 và bà L cùng làm trong tổ vay vốn. Do gia đình gặp khó khăn, nên ngày 11/8/2016 bà L1 vay của bà L 50.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 6%/tháng (tại phiên tòa bà L1 khai là 9%/tháng), khi vay có viết giấy vay cho bà L giữ. Lần vay này bà L1 có trả cho bà L vài tháng tiền lãi, thì không còn khả năng trả (tại phiên tòa bà L1 khai là không có trả lãi). Đến ngày 11/4/2017, bà L bắt bà L1 viết lại giấy vay khác với số tiền vay là 100.000.000 đồng, trong đó gồm 50.000.000 đồng tiền gốc, cộng với tiền lãi chưa trả, mức lãi 6%/tháng (còn tại phiên tòa khai là mức 9%/tháng). Sau khi viết giấy nợ lần này (ngày 11/4/2017), bà L1 trả

được 2 tháng tiền lãi, còn lại 6 tháng chưa trả. Do vậy ngày 16/11/2017 bà L bắt buộc bà L1 viết lại giấy nợ với số tiền 136.000.000 đồng, gồm số tiền 100.000.000 đồng của giấy nợ ngày 11/4/2017 và 6 tháng lãi của số tiền 100.000.000 đồng (mức 6%/tháng). Sau này bà L1 không trả lãi cho bà L, nên bà L buộc bà L1 viết giấy nợ khác, bà L1 không đồng ý viết giấy nợ khác, nhưng bà L bắt buộc bà L1 phải viết. Nên ngày 16/01/2019 bà L1 đến nhà bà L và bà L ép buộc bà L1 viết giấy nợ với số tiền 212.700.000 đồng, gồm số tiền 136.000.000 đồng của giấy nợ ngày 16/11/2017 và tiền lãi tính trên số tiền 136.000.000 đồng từ ngày 16/11/2017 đến ngày 16/01/2019 (với mức lãi suất 6%/tháng, có khi bà L1 khai là không rõ lãi suất bà L tính là bao nhiêu). Đến tháng 10/2020 bà L1 có trả cho bà L 10.000.000 đồng và xin trừ vào tiền gốc, nhưng bà L không chịu mà tính vào tiền lãi. Nay bà L1 xin trả cho bà L tiền gốc là 136.000.000 đồng và lãi suất 0,75%/tháng, tính từ ngày 16/11/2017. Ngoài ra bà L1 còn khai vào tháng 4/2016 bà L cho bà L1 vay 20.000.000 đồng, nhưng sau đó thấy gia đình bà L1 khó khăn, chồng bị bệnh, các con ăn học, nên bà L cho vay thêm 30.000.000 đồng, thành số tiền 50.000.000 đồng và viết giấy nợ ngày 11/8/2016, với lãi suất 6%/tháng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: **23/2021/DS-ST** ngày 18 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, đã quyết định:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, khoản 1, 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12, 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bà Trần Thị L1 và ông Lê Khắc C phải trả cho bà Trần Thị L và ông Lưu Công T số tiền 250.610.500 đồng, gồm tiền gốc 212.700.000 đồng và tiền lãi 37.910.500 đồng (tính từ ngày 17/2/2019 đến ngày xét xử 18/8/2021, với mức lãi 0,75%/tháng, đã trừ đi 10.000.000 đồng tiền lãi do bà L1 đã trả trước).

2. Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Trần Thị L1 và ông Lê Khắc C. Hoàn trả cho bà Trần Thị L 5.300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005274 ngày 22/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định trách nhiệm thi hành án nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị.

+ Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 25/8/2021, Người có quyền lợi, nghĩa vụ L1 quan ông Lê Khắc C kháng cáo toàn bản án sơ thẩm số 23/2021/DS-ST ngày 18/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh. Nội dung kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc ông cùng bà Trần Thị L1 trả tiền 250.610.500 đồng gốc và

lãi cho vợ chồng bà L là không đúng vì ông không biết việc vợ vay tiền và không phục vụ nhu cầu chung trong gia đình.

Yêu cầu Tòa án phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của Người có quyền lợi nghĩa vụ L1 quan ông Lê Khắc C.

+ Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ L1 quan giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như đơn kháng cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ L1 quan ông Lê Khắc C, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 23/2021/DS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Người có quyền lợi nghĩa vụ L1 quan ông Lê Khắc C kháng cáo trong thời hạn, đúng thủ tục pháp luật quy định nên vụ án được xem xét theo thủ tục phúc thẩm;

- Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và giải quyết là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về kháng cáo của Người có quyền lợi nghĩa vụ L1 quan ông Lê Khắc C kháng cáo toàn bản án sơ thẩm số 23/2021/DS-ST ngày 18/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh. Nội dung kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc ông và bà Trần Thị L1 trả nợ không đúng, ông cho rằng số nợ là của riêng vợ ông bà Trần Thị L1, ông Lê Khắc C không L1 quan, không có nghĩa vụ trả số nợ trên.

[3] Về khoản vay 212.700.000 đồng, bà L cho bà L1 vay gồm nhiều lần, mỗi lần vay bao nhiêu tiền; vay vào ngày, tháng, năm nào thì bà L không thể nhớ được. hai bên gút lại nợ là ngày 16/01/2019, bà L1 vay của bà L tổng số tiền 212.700.000 đồng. Khi vay chỉ thỏa thuận bằng miệng lãi suất 20%/năm. Bà L1 vay tiền để về lo cho gia đình. Từ ngày gút nợ đến tháng 10/2019 bà L1 có trả cho bà L 10.000.000 đồng tiền lãi. Bà Trần Thị L1 cũng thừa nhận giấy gút lại nợ là ngày 16/01/2019 là do bà tự nguyện ký do vậy yêu cầu của Trần Thị L là có căn cứ.

[4] Theo bà Trần Thị L1, trình bày ngày 29/4/2021, giấy ký mượn tiền ngày 16/1/2019 nội dung giấy ký mượn tiền ghi để mua đất rẫy, Đơn xin cung cấp chứng cứ ngày 7/6/2021 bà vay tiền vì gia đình đang gặp khó khăn, để lo việc ốm đau của chồng bà là ông Lê Khắc C, lo cho các con ăn học, mùa màng thất bát, chăn nuôi heo bị dịch bệnh chết hết; trước, trong và hiện nay ông Lê Khắc C và bà Trần Thị L1 là vợ chồng hợp pháp, hiện nay hai người vẫn đang chung sống trong một mái nhà, nên ông Lê Khắc C phải có nghĩa vụ cùng bà Trần Thị L1 trả nợ cho bà Trần Thị L và ông Lưu Công T là phù hợp Điều 27; 37 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Từ nhận định trên, xét thấy kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ L1 quan ông Lê Khắc C là không có cơ sở chấp nhận.

Phản tuyên về lãi suất trong bản án của cấp sơ thẩm chưa chính xác, cấp phúc thẩm điều chỉnh cho phù hợp.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của ông Lê Khắc C không được chấp nhận, ông Cường phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng ông Lê Khắc C, sinh năm 1957 và có đơn nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ L1 quan ông Lê Khắc C.

- *Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 23/2021/DS-ST ngày 18/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.*

- Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, khoản 1, 4 Điều 466, khoản 2 Điều

468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12, 14, 26, 29 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bà Trần Thị L1 và ông Lê Khắc C phải trả cho bà Trần Thị L và ông Lưu Công T số tiền 250.610.500 đồng, gồm tiền gốc 212.700.000 đồng và tiền lãi 37.910.500 đồng (tính từ ngày 17/2/2019 đến ngày xét xử 18/8/2021, với mức lãi 0,75%/tháng, đã trừ đi 10.000.000 đồng tiền lãi do bà L1 đã trả trước).

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Trần Thị L1 và ông Lê Khắc C. Hoàn trả cho bà Trần Thị L 5.300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005274 ngày 22/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự phúc thẩm cho ông Lê Khắc C.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 23/02/2022).

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS/ND tỉnh Bình Thuận;
- Tòa án nhân dân huyện Đức Linh;
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Thành